

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 43/2021/DS - PT

Ngày: 04 – 02 - 2021

V/v: “Tranh chấp bồi thường
của Nhà nước trong hoạt động
quản lý hành chính”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết và ông Trần Duy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2020/DSST ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắc Lắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2021/QĐ-PT ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Diễm T; trú tại: Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắc Lắc.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Hoàng Ngọc T1; địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc (Có mặt).

(Văn bản ủy quyền ngày 21/01/2020)

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắc Lắc.

Địa chỉ: Số 02 đường T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắc Lắc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Phú L – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắc Lắc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Văn D – Chức vụ: Trưởng phòng Tư Pháp thị xã B, tỉnh Đắc Lắc (Có mặt).

(Văn bản ủy quyền ngày 10/6/2020)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K – Chức vụ: Chi cục trưởng – Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người làm chứng: Ông Trịnh Văn H; địa chỉ: Số 12 đường H, tổ dân phố K, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hoàng Ngọc T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HC-ST ngày 11/01/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk và Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2016/HC-PT ngày 24/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Việc 02 Bản án nêu trên xác định hủy một phần Quyết định số 2146/QĐ-UB ngày 04/01/2003 của UBND huyện K (nay là UBND thị xã B), tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 755711 cấp ngày 04/11/2003 cho ông Trịnh Văn H. Việc các Bản án đã tuyên như trên nhưng UBND thị xã B không thực hiện thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do vậy, bà T yêu cầu khởi kiện vụ án theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong quản lý hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở trái quy định của pháp luật.

Bà Hoàng Diễm T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với UBND thị xã B, cụ thể bà T đề nghị UBND thị xã B phải bồi thường thiệt hại cho bà T các khoản cụ thể: Bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm do không được khai thác bị mất tính từ tháng 6 năm 1996 đến tháng 12 năm 2019 với số tiền là 1.352.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở diện tích 87m², thửa đất số 58, tờ bản đồ số 21 (nay là thửa số 21, tờ bản đồ số 44) tọa lạc tại số 08 đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, với số tiền yêu cầu bồi thường là 7.000.000.000 đồng. Tổng cộng bà T yêu cầu UBND thị xã B bồi thường số tiền là 8.352.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bà T yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm do không được khai thác bị mất tính từ tháng 6 năm 1996 đến tháng 12 năm 2019 với số tiền là 1.352.000.000 đồng. UBND thị xã B xác định: Ông Trịnh Văn H nhận tài sản là căn nhà trên thửa đất số 58, tờ bản đồ số 04, diện tích 87m² từ ngày 23/10/1997 do cơ quan Thi hành án bàn giao và quản lý sử dụng cho đến ngày 04/11/2004 mới được UBND huyện K (Nay là UBND thị xã B), tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Văn H. Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận chỉ là thủ tục hành chính, nếu ông H không kê khai đăng ký cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông vẫn được sử dụng nhà và đất trên vì ông đã nhận tài sản thi hành án từ việc khấu trừ một phần khoản nợ mà bà T đã nợ của ông H. Do đó, không làm phát sinh căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2016/HC-PT ngày 24/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai đã xác định “*Sau khi thông báo bán đấu giá tài sản không có người đăng ký mua tài sản, thì cơ quan Thi hành án dân sự đã giao tài sản bán đấu giá cho ông H để khấu trừ một phần khoản nợ mà bà T đã nợ của ông H chứ không phải ông H mua tài sản kê biên của bà T thông qua phiên đấu giá tài sản. Việc cơ quan thi hành án không lập biên bản về việc bán đấu giá không được và đã giao tài sản của bà T cho ông H là vi phạm khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 1993. Tài sản bán đấu giá không được thì được định giá lại để tiếp tục bán đấu giá. Nếu vẫn không bán được thì chấp hành viên yêu cầu người được thi hành án nhận. Như vậy, trình tự thủ tục mà cơ quan Thi hành án đã giao tài sản của bà T cho ông H là không đúng quy định của pháp luật, do đó hồ sơ thủ tục để UBND huyện K xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 21, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 755711 ngày 04/11/2003 cho ông Trịnh Văn H là chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật”.*

Như vậy, người thi hành công vụ trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (là công chức của UBND thị xã B) nêu trên không có hành vi trái pháp luật, nên UBND thị xã B không chấp nhận yêu cầu bồi thường của bà T.

Việc bà T yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở diện tích 87m², thửa đất số 58, tờ bản đồ số 21 (nay là thửa số 21, tờ bản đồ số 44) tọa lạc tại số 08 đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, với số tiền yêu cầu bồi thường là 7.000.000.000 đồng, UBND thị xã B xác định: Tại thông báo số 58/TB-TA-HC ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về giải quyết văn bản đề nghị giám đốc thẩm thì Tòa án chỉ có thẩm quyền xét xử những quyết định hành chính bị khởi kiện. Giữa bà Hoàng Diễm T và bà Trịnh Thị Thanh V nếu phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện thì được giải quyết bằng một vụ án khác. Do đó, bà T yêu cầu bồi thường về nhà và đất trên nay bà V là chủ sở hữu, nếu phát sinh tranh chấp thì bà T có quyền khởi kiện tại Tòa án, nên UBND thị xã B không chấp nhận yêu cầu bồi thường của bà T.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn K đại diện theo pháp luật của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Các quyết định và văn bản giấy tờ liên quan đến trình tự, thủ tục thi hành Bản án số 77/1996/DS-PT này 13/12/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với bà Hoàng Diễm T của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B đến thời điểm này không bị cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ, sửa đổi... do vi phạm pháp luật hoặc kết luận của cơ quan, người có thẩm quyền xác định rõ cá nhân công chức của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B có hành vi vi phạm pháp luật trong khi thi hành công vụ gây thiệt hại cho bà Hoàng Diễm T. Theo

đó không làm phát sinh trách nhiệm bồi thường của Chi cục Thi hành án dân sự đối với bà T theo quy định tại Điều 21 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và không làm phát sinh căn cứ yêu cầu bồi thường của bà T đối với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Đồng thời Chi cục Thi hành án dân sự cũng không thuộc đối tượng có trách nhiệm hoàn trả theo quy định Chương VII Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Trịnh Văn H trình bày:

Tại Bản án phúc thẩm số 77/DS-PT ngày 23/12/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên ...“ Buộc chị Hoàng Diễm T phải trả cho anh Trịnh Văn H 380.000.000 đồng”....Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trịnh Văn H làm đơn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật. Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã bán đấu giá tài sản là căn nhà trên thửa đất số 58, tờ bản đồ số 04, diện tích 87m² để thi hành bản án trên. Quá trình bán đấu giá nhiều lần không có người mua, nên ngày 23/10/1997 Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã giao cho ông H tài sản trên để thi hành bản án. Đến năm 2003 ông H làm thủ tục yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 04/11/2003 Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Trịnh Văn H. Đến ngày 09/12/2009 ông Trịnh Văn H đã tặng cho con gái là Trịnh Thị Thanh V và chị V đã được UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/9/2013 (Tài sản là nhà và đất hiện nay mang số 08 đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk). Nay bà T khởi kiện UBND thị xã B, ông H xác định ông và con gái của ông là chị V không liên quan gì, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2020/DSST ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 2, Điều 7, Điều 8, Điều 19 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Diễm T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 8.352.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, về án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 06/11/2020, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Hoàng Ngọc T1 làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng Diễm T, buộc UBND thị xã B bồi thường cho bà T số tiền 5.752.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Hoàng Ngọc T1 thay đổi kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm hoặc hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của ông Hoàng Ngọc T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2020/DSST ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu UBND thị xã B bồi thường thiệt hại về tài sản do không được khai thác bị mất tính từ tháng 6/1996 đến tháng 12/2019 với số tiền 1.352.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở diện tích 87m², thửa đất số 58, tờ bản đồ số 21 (nay là thửa số 21, tờ bản đồ số 44) tọa lạc tại số 08 đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, với số tiền yêu cầu bồi thường là 7.000.000.000 đồng. Tại đơn kháng cáo ông T1 thay đổi yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã B bồi thường thiệt hại cho bà Hoàng Diễm T số tiền là 5.752.000.000 đồng (gồm thiệt hại về tài sản do không được khai thác bị mất tính từ tháng 6/1996 đến tháng 12/2019 với số tiền 1.752.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở 4.000.000.000 đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 77/DS-PT ngày 23/12/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk buộc bà Hoàng Diễm T phải trả cho ông Trịnh Văn H 380.000.000 đồng, giao căn nhà thế chấp của bà T và ông H1 cho ông H quản lý để thi hành án. Ngày 09/01/1997 Đội thi hành án huyện K đã ra quyết định thi hành án số 19/THA đối với bà T. Hết thời gian tự nguyện thi hành án nhưng bà T không tự nguyện thi hành nên Đội thi hành án huyện K tiến hành kê biên, định giá tài sản và bán đấu giá, do không có người mua tài sản nên ông H đã nhận tài sản thế chấp để trừ vào khoản nợ của bà T nợ ông H. Sau khi nhận được tài sản

ông H làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 04/11/2003 UBND huyện K đã ban hành Quyết định số 2146/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 755711 cho ông H căn cứ vào hồ sơ thi hành án.

[2.2] Nguyên đơn căn cứ Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HC-ST ngày 11/01/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk và Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2016/HC-PT ngày 24/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên hủy một phần Quyết định số 2146/QĐ-UB ngày 04/01/2003 của UBND huyện K (nay là UBND thị xã B), tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 755711 cấp ngày 04/11/2003 cho ông Trịnh Văn H để làm căn cứ yêu cầu bồi thường. Tuy nhiên, tại Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2016/HC-PT ngày 24/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận định “*Do thủ tục thi hành án thực hiện chỉ có biên bản định giá tài sản, thông báo bán đấu giá tài sản, biên bản giao tài sản kê biên, tuy nhiên không có tài liệu nào thể hiện cơ quan Thi hành án đã thông báo cho bà T về việc tổ chức bán đấu giá tài sản là vi phạm Điều 11, Điều 12 Nghị định 86/CP ngày 19/12/1996 về việc ban hành quy chế bán đấu giá tài sản. Sau khi thông báo bán đấu giá tài sản không có người đăng ký mua tài sản, thì cơ quan thi hành án dân sự đã giao tài sản bán đấu giá cho ông H để khấu trừ một phần khoản nợ mà bà T đã nợ của ông H chứ không phải ông H mua tài sản kê biên của bà T thông qua phiên đấu giá. Việc cơ quan thi hành án không lập biên bản về việc bán đấu giá không được và đã giao tài sản của bà T cho ông H là vi phạm khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 1993. Tài sản bán đấu giá không được thì được định giá lại để tiếp tục bán đấu giá. Nếu vẫn không bán được thì chấp hành viên yêu cầu người được thi hành án nhận. Như vậy, trình tự thủ tục mà cơ quan Thi hành án đã giao tài sản của bà T cho ông H là không đúng quy định của pháp luật, do đó hồ sơ thủ tục để UBND huyện K xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 21, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 755711 ngày 04/11/2003 cho ông Trịnh Văn H là chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật”.*

Tại khoản 1 Điều 7 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định:

1. Nhà nước có trách nhiệm bồi thường khi có đủ các căn cứ sau đây:

a) Có một trong các căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại và yêu cầu bồi thường tương ứng quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có thiệt hại thực tế của người bị thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định của Luật này;

c) Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế và hành vi gây thiệt hại”.

Như vậy, việc ông H đã nhận tài sản thi hành án từ việc khấu trừ một phần khoản nợ mà bà T đã nợ của ông H, nếu ông H không kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H vẫn được sử dụng nhà và đất trên do Cơ quan Thi hành án giao cho. Ủy ban nhân dân thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Văn H chưa đảm bảo theo quy định của pháp

luật và tại Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2016/HC-PT ngày 24/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên hủy một phần Quyết định số 2146/QĐ-UB ngày 04/01/2003 của UBND huyện K (nay là UBND thị xã B), tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 755711 cấp ngày 04/11/2003 cho ông Trịnh Văn H là do trình tự thủ tục mà thi hành án giao tài sản của bà T cho ông H là không đúng theo quy định của pháp luật, không phải do hành vi trái pháp luật của công chức Ủy ban nhân dân thị xã B (người thi hành công vụ) trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 755711 ngày 04/11/2003 cho ông Trịnh Văn H gây ra nên không có căn cứ để bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và quá trình giải quyết vụ án bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh thiệt hại thực tế xảy ra.

Mặc khác, tại Thông báo số 58/TB-TA-HC ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về giải quyết văn bản đề nghị giám đốc thẩm có nội dung *“Theo quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2010, Tòa án chỉ có thẩm quyền xem xét những quyết định hành chính bị khởi kiện giữa bà Hoàng Diễm T và bà Trịnh Thị Thanh V nếu phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện thì được giải quyết bằng một vụ án khác”*. Hiện nay, bà Trịnh Thị Thanh V là chủ sở hữu nhà và thửa đất số 58, tờ bản đồ số 21, diện tích 87m² tại số 08 đường H, phường A, thị xã B. Như vậy, nếu có phát sinh tranh chấp thì bà T có quyền khởi kiện bà V bằng một vụ án khác, nên bà T yêu cầu UBND thị xã B bồi thường giá trị căn nhà và đất là không có căn cứ.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở.

[3] Ông Hoàng Ngọc T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng: Ông Trương Kim C và ông Thiệu Sỹ V là những người tiến hành tố tụng trong vụ án “Kiện một phần quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai” (Bản án số 03/2012/HCST, ngày 22/8/2012), bản án trên đã bị Tòa án nhân dân tối cao hủy nhưng nay ông Trương Kim C và ông Thiệu Sỹ V là những người tiến hành tố tụng trong vụ án “Tranh chấp bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính” là vi phạm thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy, vụ án “Kiện một phần quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai” là án hành chính và vụ án “Tranh chấp bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính” là án dân sự, hai vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp khác nhau, áp dụng quy định pháp luật khác nhau để giải quyết nên việc thẩm phán Trương Kim C và thư ký Thiệu Sỹ V tham gia giải quyết hai vụ án này không vi phạm quy định về thành phần những người tiến hành tố tụng.

[4] Tại phiên tòa ông Hoàng Ngọc T1 đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm nhưng ông không đưa ra được căn cứ cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng và nội dung để hủy án nên yêu cầu của ông T1 là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông Hoàng Ngọc T1 đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc UBND thị xã B phải bồi thường do không được khai thác tài sản với số tiền 1.752.000.000 đồng và bồi thường giá trị quyền sử dụng đất

quyền sở hữu nhà ở 4.000.000.000 đồng hoặc hủy bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Bà Hoàng Diễm T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Hoàng Ngọc T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2020/DSST ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 2, khoản 1 Điều 7, Điều 8, Điều 19 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Diễm T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 5.752.000.000 đồng (*Năm tỷ bảy trăm năm mươi hai triệu đồng*).

[3]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Hoàng Diễm T phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (bà T đã nộp và đã chi phí xong).

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 76 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Bà Hoàng Diễm T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- Các đương sự;

.....
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng